

Số: 01 /2023/NQ-ĐHĐCĐ

Sóc Trăng, ngày 29 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
(Phiên họp ngày 29/6/2023)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng ngày 29/6/2023.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các vấn đề:

1. Thông qua Báo cáo số 174/BC-CN ngày 07/6/2023 của Tổng Giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

2. Thông qua Báo cáo số 175/BC-CN ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022.

3. Thông qua Báo cáo số 01/BC-BKS ngày 02/4/2023 của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

4. Thông qua Tờ trình số 176/TTr-HĐQT ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

5. Thông qua Tờ trình số 177/TTr-HĐQT ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.

6. Thông qua Tờ trình số 178/TTr-HĐQT ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị về việc quyết toán thù lao năm 2022 và Kế hoạch mức thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.



7. Thông qua tờ trình về danh mục đầu tư: Thông qua danh mục đầu tư theo Tờ trình số 79/TTr-CN ngày 10/3/2023 của Tổng Giám đốc về Kế hoạch đầu tư các công trình, dự án. Danh mục đầu tư theo Tờ trình số 179/TTr-HĐQT ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị nằm ngoài danh mục đầu tư theo Tờ trình 79/TTr-CN ngày 10/3/2023 của Tổng Giám đốc, Đại hội đồng cổ đông thông qua ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chủ động cân đối nguồn vốn để quyết định danh mục đầu tư, phương án, chủ trương đầu tư, quy mô, giá trị, tính chất, công suất và các nội dung khác liên quan trong quá trình thực hiện các công trình, dự án đầu tư, các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư và các dự án, lĩnh vực đầu tư khác theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được, phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tiễn. Về trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền: (i) Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền và giao nhiệm vụ (ii) Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ và ủy quyền cho các đơn vị, cá nhân liên quan: Thực hiện các công việc cần thiết, phù hợp quy định pháp luật; Ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

8. Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 02/4/2023 của Ban kiểm soát về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2023.

9. Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền giao HĐQT rà soát lại các khoản trích quỹ, HĐQT sẽ trình lại Đại hội nhiệm kỳ dự kiến tháng 08/2023 biểu quyết.

10. Tờ trình số 181/TTr-HĐQT ngày 07/6/2023 của Hội đồng quản trị về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Điện mặt trời.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực từ 29/6/2023.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng và các cá nhân, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT;
- Đăng Web Công ty;
- Lưu HS, ĐHĐCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Nguyễn Trọng Hiếu



BÁO CÁO TỔNG KẾT

Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2022 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2023

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

I. Khái quát tình hình

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng, hoạt động chính thức từ ngày 29/12/2017. Thực hiện chức năng và phạm vi hoạt động chủ yếu là khai thác, sản xuất, kinh doanh nước sạch, nước uống đóng chai, đầu tư xây dựng các dự án cấp nước đáp ứng yêu cầu sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt và các hoạt động sản xuất, kinh doanh theo chính sách giá do Nhà nước quy định.

- Vốn điều lệ 158.631.330.000 đồng. Tỷ lệ vốn Nhà nước tại doanh nghiệp 49%.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:
 - + Đại hội đồng cổ đông;
 - + Hội đồng quản trị: 05 thành viên.
 - + Ban Kiểm soát: 03 thành viên.
 - + Ban điều hành: Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.
 - + 05 phòng ban nghiệp vụ: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế hoạch - Vật tư, Phòng Kỹ thuật.
 - + 13 xí nghiệp trực thuộc tại các thành phố, thị xã, huyện.
 - + Tổng số cán bộ, công nhân viên là 293 người, trong đó nữ 61 người.

1. Thuận lợi

- Ngành cấp nước tiếp tục là một trong những ngành đóng vai trò quan trọng trong xây dựng phát triển đô thị và phục vụ đời sống nhân dân. Nhu cầu sử dụng nước sạch trong tiêu dùng của người dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh ổn định, sản phẩm tiêu thụ được duy trì ở mức độ tăng trưởng so với cùng kỳ năm trước.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng lãnh đạo các đơn vị đã tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh khá tốt, trong đó mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Thường xuyên nắm bắt tình hình khó khăn thuận lợi để có giải pháp thực hiện tiếp theo, khắc phục được những khó khăn vướng mắc. Công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, cải tiến lề lối làm việc, nâng cao chất lượng hiệu quả chuyên môn. Công tác kiểm tra giám sát được chú trọng, thông qua các buổi họp định kỳ có đánh giá nhắc nhở rút kinh nghiệm kịp thời.

- Tình hình tài chính của công ty đã dần ổn định, trong năm qua đã có lãi, để bù đắp lại những khoản lỗ của các năm trước.

- Toàn thể cán bộ, công nhân viên trong doanh nghiệp luôn phát huy tinh thần trách nhiệm, hoàn thành nhiệm vụ chung.

2. Khó khăn

- Là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn.

- Nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên doanh nghiệp phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Năm 2022		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2021	So với KH
I	Sản lượng SXKD						
1	Nước thương phẩm	m ³	20.663.239	21.600.000	21.549.871	104,29	99,77
2	Số lượng khách hàng	hộ	94.357	97.000	97.604	103,44	100,62
3	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	296.454		283.760	95,72	
3.2	Bình 5 gallon	bình	32.945		30.718	93,24	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	12.470		14.485	116,16	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.620		2.760	105,34	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	20		0	0	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	13,34		12,44		
III	Tổng doanh thu	đồng	197.607.136.331	203.263.000.000	207.287.813.004	104,90	101,98
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	193.734.182.328	200.763.000.000	203.527.992.874	105,06	101,38
1.1	Cấp nước	“	186.637.803.387	194.400.000.000	197.060.900.479	105,58	101,37
1.2	Lắp đặt	“	2.903.405.232	3.000.000.000	2.564.062.791	88,31	85,47
1.3	Nước đóng chai	“	3.459.654.036	3.363.000.000	3.723.044.483	107,61	110,71
1.4	Khác	“	733.319.673		179.985.121	24,54	
2	Doanh thu tài chính	đồng	2.159.396.556	500.000.000	1.374.418.127	63,65	274,88
3	Thu nhập khác	đồng	1.713.557.447	2.000.000.000	2.385.402.003	139,21	119,27

- Như vậy, tổng doanh thu đạt **207.287.813.004** đồng, tăng 4,9% so với năm 2021 và đạt 101,98% so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **203.527.992.874** đồng, tăng 5,06% so với năm 2021 và đạt 101,38% so với kế hoạch. Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 197.060.900.479 đồng, chiếm 96,82%

+ Doanh thu lắp đặt: 2.564.062.791 đồng, chiếm 1,26%

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.723.044.483 đồng, chiếm 1,83%

+ Doanh thu khác: 179.985.121 đồng, chiếm 0,09%

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2021	Tỷ lệ (%) so 2021
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	21.549.871	21.600.000	99,77	20.663.239	104,29
1	Nguyễn Chí Thanh	m ³	7.998.524	7.770.000	102,94	7.518.183	106,39
2	Phú Lợi	“	5.426.609	5.600.000	96,90	5.294.033	102,50
3	Mỹ Xuyên	“	1.245.977	1.300.000	95,84	1.234.184	100,96
4	Vĩnh Châu	“	1.186.190	1.165.000	101,82	1.121.919	105,73
5	Long Phú	“	706.176	720.000	98,08	685.991	102,94
6	Mỹ Tú	“	501.665	510.000	98,37	485.369	103,36
7	Trần Đề	“	1.311.999	1.365.000	96,12	1.325.158	99,01
8	Đại Ngãi	“	618.412	623.000	99,26	584.187	105,86
9	Kế Sách	“	942.533	972.000	96,97	918.621	102,60
10	Thạnh Trị	“	998.508	970.000	102,94	931.789	107,16
11	Ngã Năm	“	613.278	605.000	101,37	563.805	108,77

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2022 tăng 4,29% so với năm 2021, đạt 99,77% so với kế hoạch. Trong đó, có 10/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2021 và 07/11 đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2022.

Tỷ lệ thất thoát toàn công ty cuối năm 2022 là 12,44%. So với năm 2021, tỷ lệ từ 13,34% giảm còn 12,44%. Trong đó:

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát thấp nhất năm 2022 là XNCN Đại Ngãi 8,57% (năm 2021 là 10,56%)

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát cao nhất năm 2022 là XNCN Vĩnh Châu 14,66% (năm 2021 là 13,41%)

3. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	193.734.182.336	200.763.000.000	105%	101%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	193.734.182.336	200.763.000.000	105%	101%
4	Giá vốn hàng bán	113.208.944.955	114.833.252.817	120.000.000.000	99%	94%
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	90.319.047.919	78.900.929.519	80.763.000.000	114%	112%
6	Doanh thu hoạt động tài chính	1.374.418.127	2.159.396.556	500.000.000	64%	275%
7	Chi phí tài chính	304.661.514	3.836.872.018	300.000.000	8%	102%
	<i>Chi phí lãi vay</i>	304.661.514	3.836.872.018	300.000.000	8%	102%
8	Phân lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết...					
9	Chi phí bán hàng	25.059.154.253	42.972.251.815	43.200.000.000	58%	58%
10	Chi phí quản lý DN	24.059.499.633	23.463.148.337	23.763.000.000	103%	101%
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	42.270.150.646	10.788.053.905	14.000.000.000	392%	302%
12	Thu nhập khác	2.385.402.003	1.713.557.447	2.000.000.000	139%	119%
13	Chi phí khác	98.501.337	252.294.416		39%	
14	Lợi nhuận khác	2.286.900.666	1.461.263.031		157%	
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.557.051.312	12.249.316.936	14.000.000.000	364%	318%
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.853.892.132		2.800.000.000		316%
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2022	NĂM 2021	KH 2022	So 2022/2021 (%)	So với KH 2022
	nghiep hoan lai					
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	35.703.159.180	12.249.316.936	11.200.000.000	291%	319%
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu					
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.251	772	706	291%	319%

- Tổng doanh thu năm 2022 tăng 4,9% so với năm 2021 và đạt 101,98% kế hoạch năm 2022.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2022 là 44,56 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2022 là 35,7 tỷ đồng.

III. Tình hình tài chính năm 2022

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	2022/2021 (%)
1	Tổng tài sản	229.990.350.531	198.829.495.892	116%
	<i>Trong đó</i>			
+	Tài sản ngắn hạn	116.671.930.476	64.396.848.279	181%
+	Tài sản dài hạn	113.318.420.055	134.432.647.613	84%
2	Tổng nguồn vốn	229.990.350.531	198.829.495.892	116%
	<i>Trong đó</i>			
2.1	Nợ phải trả	40.884.503.422	45.426.807.963	90%
	- Nợ ngắn hạn	40.089.814.052	44.643.618.593	90%
	- Nợ dài hạn	794.689.370	783.189.370	101%
2.2	Vốn chủ sở hữu	189.105.847.109	153.402.687.929	123%
	<i>Trong đó</i>			
+	Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100%
+	Quỹ đầu tư phát triển			
+	Lợi nhuận sau thuế	35.703.159.180	(5.228.642.071)	683%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2022	NĂM 2021	2022/2021 (%)
	- <i>LNST chưa phân phối lũy kỳ này</i>	30.474.517.109	(5.228.642.071)	
+	<i>Nguồn vốn đầu tư XD CB</i>			

Năm 2022 so với năm 2021, tổng tài sản và nguồn vốn tăng 31,16 tỷ đồng (*tương ứng 16%*). Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 4,54 tỷ đồng tương đương giảm 10% so với năm 2021 chủ yếu là Nợ ngắn hạn giảm do đã tắt toán hết nợ ngân hàng trong năm.

- Vốn chủ sở hữu tăng 35,7 tỷ đồng tương đương tăng 683% so với năm 2021 (*do năm 2022 công ty lãi 35,7 tỷ đồng*).

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2021	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	<i>đồng</i>	28.374.260.631		35.467.427.206	125%	-
1	Nộp thuế GTGT	<i>đồng</i>	4.170.456.111		3.586.116.761	86%	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>đồng</i>			5.318.106.301		-
3	Nộp các loại thuế khác	<i>đồng</i>	9.971.619.973		10.592.175.458	106%	-
4	Nộp các khoản bảo hiểm	<i>đồng</i>	5.518.787.919		6.832.702.939	124%	-
5	Các khoản phải nộp khác	<i>đồng</i>	8.713.396.628		9.138.325.747	105%	-
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	8.713.396.628		9.138.325.747	105%	-

Số nộp ngân sách năm 2022 tăng so với năm 2021 là 35,47 tỷ đồng tương đương tăng 25% so với cùng kỳ năm trước.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
1	Năm 2021 chuyển sang	15.539.606.042		15.539.606.042
2	Năm 2022	34.307.264.795	3.190.393.807	31.116.870.988
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	34.307.264.795		

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
2.2	Nguồn Quỹ ĐTPT			
2.3	Trả nợ vay ODA			
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		3.190.393.807	
	Trong đó			
	- Nhà cửa vật kiến trúc		120.306.568	
	- Máy móc thiết bị		255.118.182	
	- Thiết bị truyền dẫn		2.777.729.057	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		37.240.000	
	Cộng	49.846.870.837	3.190.393.807	46.656.477.030

- Nguồn vốn tái đầu tư 2021 chuyển sang: 15.539.606.042 đồng
- Khấu hao năm 2022: 34.307.264.795 đồng
- Sử dụng cho đầu tư phát triển trong năm 2022: 3.190.393.807 đồng
- Còn lại: 46.656.477.030 đồng

4. Phân phối lợi nhuận: (Đính kèm Tờ trình)

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2023

I. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 duy trì mức tăng trưởng tương đương 4,87% trên m³ nước thương phẩm.

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.

- Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước tăng sản lượng tiêu thụ, cải tạo chống thất thoát nước.

- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

II. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2023

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So 2022 (%)
I	Sản lượng XSKD				
1	Nước thương phẩm	m ³	21.549.871	22.600.000	+4,87
2	Số lượng khách hàng	hộ	97.604	100.104	+2,56
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,44	<13,00	
III	Tổng doanh thu	đồng	207.287.813.004	216.968.000.000	+4,67
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	đồng	203.527.992.874	213.468.000.000	+4,88
	- Cấp nước	đồng	197.060.900.479	206.498.000.000	+4,79
	- Lắp đặt - chuyển nhượng vật tư	đồng	2.564.062.791	2.500.000.000	-2,50
	- Nước uống đóng chai	đồng	3.723.044.483	4.270.000.000	+14,69
	- Doanh thu khác	đồng	179.985.121	200.000.000	+11,12
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	1.374.418.127	1.500.000.000	+9,14
3	Thu nhập khác	đồng	2.385.402.003	2.000.000.000	-16,16

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2023

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023				
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2022 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	7.998.524	23.177	12,62	8.300.000	691.667	3,77	23.777	
2	XNCN Phú Lợi	5.426.609	23.616	12,62	5.725.000	477.083	5,50	24.166	

3	XNCN Mỹ Xuyên	1.245.977	6.958	12,15	1.300.000	108.333	4,34	7.158	
4	XNCN Vĩnh Châu	1.186.190	6.819	14,66	1.260.000	105.000	6,22	7.069	
5	XNCN Long Phú	706.176	4.236	10,16	742.000	61.833	5,07	4.286	
6	XNCN Mỹ Tú	501.665	2.761	12,51	517.000	43.083	3,06	2.811	
7	XNCN Trần Đề	1.311.999	8.209	11,35	1.400.000	116.667	6,71	8.459	
8	XNCN Đại Ngãi	618.412	4.472	8,57	650.000	54.167	5,11	4.572	
9	XNCN Kế Sách	942.533	6.848	10,52	996.000	83.000	5,67	6.998	
10	XNCN Thạnh Trị	998.508	6.604	9,59	1.058.000	88.167	5,96	6.764	
11	XNCN Ngã Năm	613.278	3.904	13,31	652.000	54.333	6,31	4.044	
	Tổng cộng	21.549.871	97.604	12,44	22.600.000	1.883.333	4,87	100.104	<13
12	Lắp đặt	Doanh thu 2.564.062.791 đồng			Kế hoạch doanh thu 2.500.000.000 đồng				
13	Nước đóng chai	Doanh thu 3.723.044.483 đồng			Kế hoạch doanh thu 4.270.000.000 đồng				
14	Khác	Doanh thu 179.985.121 đồng			Kế hoạch doanh thu 200.000.000 đồng				
	Doanh thu	6.467.092.395 đồng			6.970.000.000 đồng				

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2023 tăng 4,87% so với năm 2022
- Tỷ lệ thất thoát phấu đầu <13,0%.
- Phát triển khách hàng mới tăng 2,56% so với năm 2022
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai tăng 14,69% so với năm 2022

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2023

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	SO KH 2023/ 2022 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh					
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	12.249.316.936	44.557.051.312	34.000.000.000	
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng		8.853.892.132	4.000.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng				
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	12.249.316.936	35.703.159.180	30.000.000.000	
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng	772	2.251	1.891	
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	đồng	(5.228.642.071)			
7	Lợi nhuận để phân phối	đồng				
8	Phân chia lợi nhuận	đồng				
9	Trích quỹ dự phòng	đồng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng				
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng				
12	Trả cổ tức	đồng				
13	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	đồng				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau	đồng				
II	Vốn điều lệ	đồng	158.631.330.000	158.631.330.000	158.631.330.000	
III	Nghĩa vụ tài chính	đồng	28.374.260.631	35.467.427.206	34.200.000.000	
1	Nộp thuế GTGT	đồng	4.170.456.111	3.586.116.761	3.000.000.000	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng		5.318.106.301	4.000.000.000	
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	9.971.619.973	10.592.175.458	11.000.000.000	
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	5.518.787.919	6.832.702.939	7.000.000.000	

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2021	THỰC HIỆN NĂM 2022	KẾ HOẠCH NĂM 2023	SO KH 2023/ 2022 (%)
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	8.713.396.628	9.138.325.747	9.200.000.000	
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	đồng	8.713.396.628	9.138.325.747	9.200.000.000	

4. Kế hoạch tiền lương 2023

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So 2022 (%)
1	Số lao động	người	292	290	292	100,68%
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	8	8	8	100,00%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	2	2	2	100,00%
	Người lao động (<i>bao gồm XN nước đóng chai</i>)	người	282	280	282	100,71%
2	Quỹ tiền lương	đồng	38.761.916.956	40.169.014.991	41.200.965.455	102,56%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	3.975.308.212	4.095.134.781	4.254.303.464	103,88%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	430.232.415	397.531.936	430.000.000	108,16%
	Người lao động (<i>bao gồm luôn XN nước đóng chai</i>)	đồng	34.356.376.329	35.676.348.274	36.618.571.220	102,64%
3	Tiền ăn ca	đồng	2.599.964.460	2.525.506.373	2.587.600.000	102,5%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	70.080.000	70.080.000	70.080.000	100,00%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	17.520.000	17.520.000	17.520.000	100,00%
	Người lao động	đồng	2.512.364.460	2.437.906.373	2.500.000.000	102,55w%
4	Tổng thu nhập	đồng	41.361.881.416	42.694.521.364	43.788.565.455	102,56%
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.045.388.212	4.165.214.781	4.324.383.464	103,82%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	447.752.415	415.051.936	447.520.000	108%
	Người lao động	đồng	36.868.740.789	38.114.254.647	39.118.571.220	102,64%
5	Thu nhập bình quân	đ/ng/th				

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	So 2022 (%)
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	42.139.461	43.387.654	45.045.661	103,82%
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đ/ng/th	18.656.351	17.293.831	18.646.667	108%
	Người lao động	đ/ng/th	10.895.018	11.343.528	11.559.861	101,91%

5. Kế hoạch đầu tư phát triển

(đính kèm bảng tổng hợp)

III. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDH.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG
Đặng Văn Ngo

Số: 175/BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7 tháng 6 năm 2023

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2022

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty. Hội đồng quản trị (HĐQT) báo cáo Đại hội đồng cổ đông hoạt động năm 2022 của HĐQT Công ty như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2022

1. Cơ cấu thành viên HĐQT

Hiện nay cơ cấu Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Đại diện/ sở hữu
1	Nguyễn Trọng Hiếu	Chủ tịch HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
2	Nguyễn Quang Mãi	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông chiến lược Công ty cổ phần Hawaco
3	Trần Anh Hòa	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
4	Phan Vĩnh Tùng	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn Nhà nước
5	Đặng Văn Ngọc	TV. HĐQT	Đại diện quản lý phần vốn cổ đông Công ty cổ phần VBIC Việt Nam

2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Tình trạng biến đổi khí hậu, hiện tượng xâm ngập mặn ngày càng trở nên trầm trọng tại tỉnh Sóc Trăng gây tác động đến nguồn nước cung cấp, một số khu vực bị thiếu nguồn nước không đủ cung cấp làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn công ty, một số chỉ tiêu chưa đạt được kỳ vọng như mong muốn, công tác triển khai thực hiện các dự án và phát triển hệ thống cấp nước chưa đạt tiến độ đề ra.

Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

- M³ nước thương phẩm: 21.549.871 m³, đạt tỷ lệ 99,8 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 4,3% so với năm 2021.

- Tổng doanh thu: 207.287.813.004 đồng, đạt 102% so với kế hoạch năm và tăng 4,9% so với năm 2021.

- Lợi nhuận sau thuế: 35.703.159.180 đồng, đạt tỷ lệ 255 % so với kế hoạch năm, tăng trưởng 191,5% so với 2021.

3. Về hoạt động của HĐQT

- HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 02 cuộc họp trực tiếp, lấy ý kiến HĐQT qua hộp thư điện tử HĐQT 09 cuộc (có Biên bản của Tổ kiểm phiếu về việc tổng hợp ý kiến HĐQT trả lời qua hộp thư điện tử).

- Việc phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Ban điều hành được thực hiện đúng quy định. Hàng tháng, quý Ban điều hành thực hiện đúng chế độ báo cáo và lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt đúng theo quy định. Đối với các công việc ngoài thẩm quyền, Ban điều hành gửi văn bản trình xin ý kiến phê duyệt của HĐQT mới được triển khai thực hiện.

- Tại các cuộc họp HĐQT, HĐQT cũng đã yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như giải trình các công việc còn tồn đọng để HĐQT có ý kiến chỉ đạo.

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ người dân trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng và giải quyết tình hình thiếu hụt nguồn nước cung cấp đối với các Xí nghiệp cấp nước địa phương, HĐQT tiếp tục tiến hành các thủ tục xin chủ trương về đầu tư dự án Nhà máy công suất 200.000 m³/ ngày đêm, đồng thời hợp tác với các công ty có đủ năng lực về kinh nghiệm và tài chính để liên doanh thực hiện dự án.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Thực hiện các dự án phát triển hệ thống cấp nước, nâng công suất khai thác nước sạch các nhà máy với lộ trình đầu tư phù hợp, hiệu quả, đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ cho người dân và các doanh nghiệp trong tỉnh Sóc Trăng.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin trong quản lý và vận hành hệ thống cấp nước, phấn đấu tỷ lệ thất thu, thất thoát giảm.

Trên đây là báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022, xin báo cáo trước Đại hội. Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD;
- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT, HS.ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT



Đặng Văn Ngo

Số: 01/BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 02 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ TÓM TẮT BCTC NĂM 2022 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
Công ty cổ phần cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng**

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát.

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Hiện nay Ban kiểm soát đã kiện toàn sau Đại hội cổ đông năm 2022 và bao gồm 03 thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------------|
| - Ông Vũ Tiến Bộ | - Trưởng ban |
| - Bà Liễu Thu Trúc | - Kiểm soát viên |
| - Ông Nguyễn Trọng Kiên | - Kiểm soát viên |

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.

- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.

- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC của Công ty.

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức thù lao chi cho các thành viên Ban kiểm soát trong năm 2022 là: **621.863.439** đồng (*tương đương 0,3% doanh thu bán hàng&ccdv*).

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2022 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

Sóc Trăng là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu đã tác động trực tiếp đến công tác sản xuất của đơn vị, tình trạng nhiễm mặn, nguồn nước cung cấp bị hạn chế, nên việc xử lý và tìm nguồn nước gặp nhiều khó khăn. Để đảm bảo nguồn nước đạt chất lượng theo tiêu chuẩn phục vụ người dân, Công ty phải có phương án đầu tư nhiều cụm công nghệ xử lý với chi phí tương đối cao. Bên cạnh đó, nhu cầu phát triển đô thị, sử dụng nguồn nước ngày càng tăng nên Công ty phải cân đối vốn để tái đầu tư phát triển mở rộng, đối với các khu vực ngoại ô thành phố khi xây dựng mở rộng thì phải có nguồn vốn nhiều, suất đầu tư bình quân/hộ cao, khả năng thu hồi vốn chậm.

Năm 2022 Công ty thực hiện tốt mục tiêu cơ bản là đáp ứng kịp thời đầy đủ nhu cầu nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. Các công tác phục vụ khách hàng được quan tâm sâu sát, nâng cao chất lượng và hiệu quả làm việc của CBCNV, chú trọng công tác kiểm tra, kiểm soát tránh thất thoát.

- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm giảm từ 13,34% xuống còn 12,44 thấp hơn so với kế hoạch đề ra.

- Sản lượng nước thương phẩm đạt 99,77% kế hoạch đề ra về cơ bản là hoàn thành kế hoạch đề ra của năm.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt **203.527.992.874 đồng**, tăng 5,06% so với năm 2021 và tăng 1,38% so với Kế hoạch năm 2022 đã đề ra.

Trong đó:

+ Doanh thu cấp nước: 197.060.900.479 đồng, đạt 101,37% kế hoạch;

+ Doanh thu lắp đặt: 2.564.062.791 đồng, đạt 85,47% kế hoạch;

+ Doanh thu nước đóng chai: 3.723.044.483 đồng, đạt 110,71% KH;

+ Doanh thu khác: 179.985.121 đồng.

- Năm 2022, Công ty đạt lợi nhuận **44.557.051.312 đồng**, sau khi nộp thuế TNDN 8.853.892.132 đồng và bù đắp số lỗ còn lại năm 2021 là 5.228.642.071 đồng thì lợi nhuận của Công ty còn lại là có thể phân phối là 30.474.517.109 đồng.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022

Công ty đã cố gắng thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trong tình hình nguồn nước bị nhiễm mặn và phải khoan một số giếng phải khoan mới, thổi rửa các giếng khoan cũ, tuy vậy công tác điều hành của Ban lãnh đạo Công ty trong sản xuất kinh doanh, đã giúp cho Công ty hoàn thành các chỉ tiêu đã đề của năm.

Về các kế hoạch đầu tư theo như Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 là ~113,8 tỷ đồng thì tỷ lệ đầu tư mà Công ty đã thực hiện trong năm 2022 là rất thấp một phần do việc trình phê duyệt đầu tư còn nhiều vướng mắc.

Về việc đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước 100.000m³/ngày đêm HĐQT vẫn đang trình thủ tục và xin ý kiến UBND tỉnh về phương thức và phương án đầu tư.

Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, Công ty đã chi trả và quyết toán theo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ 2022 thông qua.

Đã lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ đã được ghi trong Nghị quyết.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022

Trên cơ sở BCTC năm 2022 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2022 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán, đến 31/12/2022, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2022 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.527.992.874	
2	Lợi nhuận trước thuế	44.557.051.312	
3	Lợi nhuận sau thuế	35.703.159.180	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	116.671.930.476	
2	Tài sản dài hạn	113.318.420.055	
3	Tổng tài sản	229.990.350.531	

c) *Vốn chủ sở hữu:* 189.105.847.109 đồng.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về: chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.

- Nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của Công ty.

- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHCĐ.

- Trong năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá cao những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD Công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHCĐ trong tình hình khó khăn về nguồn nước do nước nhiễm mặn và tình hình mực nước các giếng khoan bị hạ thấp.

- Trong năm vừa qua, BKS không phát hiện thấy vấn đề gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty;

- Trong cả năm 2022, BKS không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD Công ty.

- Biên chế lao động của Công ty hiện tại ổn định, các CBCNV đang ngày càng nỗ lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ của Công ty

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.

- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ của Công ty, công tác ký kết và thực hiện các

hợp đồng, giao dịch của Công ty theo đúng quy định, tiến hành phối hợp cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của Công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao cho, năm 2022, BKS nhận thấy, các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sóc Trăng đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kiến nghị

- *Kiến nghị hoàn thiện các văn bản quy phạm quản lý nội bộ:*

Mặc dù hệ thống quy phạm quản lý nội bộ của Công ty đã được ban hành khá đầy đủ và hoàn thiện kể từ khi công ty được cổ phần hóa năm 2017, tuy nhiên, Công ty cần phải thường xuyên tổng kết, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy phạm này để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho thích hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển và nhiệm vụ của Công ty trong giai đoạn phát triển hiện nay.

Công ty nên tiếp tục theo dõi, nghiên cứu và sửa đổi các quy chế, quy định về khoán định mức và quản lý theo định mức đối với vật tư, hóa chất tiêu hao trong sản xuất nước, các chi phí quản lý phát sinh thường xuyên trong quản lý doanh nghiệp như (VPP, CCDC văn phòng...), khoán lương đối với sản phẩm và định biên vị trí công việc... cho phù hợp trong các năm tiếp theo.

- *Kiến nghị HĐQT, Ban TGD xem xét nghiên cứu và hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép đầu tư dự án xây dựng nhà máy nước mặt công suất 100.000m³ ngày đêm nhằm đảm bảo về nguồn nước cho sinh hoạt và sản xuất trong tình hình xâm nhập mặn diễn biến phức tạp và trầm trọng và sâu trong đất liền như hiện nay tại tỉnh Sóc Trăng:*

BKS kiến nghị HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục cố gắng tìm kiếm các nguồn vốn từ các nguồn như từ các tổ chức tín dụng, các tổ chức phi chính phủ, nhằm đảm bảo nguồn vốn cho đầu tư các dự án đầu tư mới, các dự án nâng cấp, cải tạo công nghệ xử lý nước nhiễm mặn nhằm đảm bảo cấp nước liên tục cho khách hàng trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động trong năm 2022 của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội thông qua. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Vũ Tiến Bộ

Số: 176/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày... 7 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính năm 2022:

(Báo cáo được đăng tải ngày 08/3/2022 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.soctrangwaco.vn> tại mục Quan hệ cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**



Đặng Văn Ngộ

Số 17/TTTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày... tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

1. Sản lượng nước thương phẩm: 22.600.000 m³.
2. Tổng doanh thu: 216.968.000.000 đồng.
3. Lợi nhuận: 34.000.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLDHĐCĐ.



Đặng Văn Ngo

Số: 178/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày...7.tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

**Về việc quyết toán thù lao năm 2022 và Kế hoạch thù lao năm 2023
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2022 và kế hoạch mức thù lao năm 2023 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

1. Thực hiện năm 2022

1.1. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

1.2. Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 như sau:

- Hội đồng quản trị: **1.243.726.878** đồng (Một tỷ, hai trăm bốn mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi sáu ngàn, tám trăm bảy mươi tám đồng)
- Ban kiểm soát: **621.863.439** đồng (Sáu trăm hai mươi một triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, bốn trăm ba mươi chín đồng)

2. Kế hoạch thù lao năm 2023

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6 % trên Tổng doanh thu.
- Ban Kiểm soát: 0,3 % trên Tổng doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.



Đặng Văn Ngọ

Số: 79 /TTr-CN

Sóc Trăng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về Kế hoạch đầu tư các dự án, công trình

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14, ngày 17/06/2020, có hiệu lực thi hành từ 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Bản đề nghị ngày 10/01/2023 của Người đại diện phần vốn nhà nước về việc dự thảo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023;

Căn cứ Biên bản họp số 03/BB-HĐQT ngày 06/02/2023 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, phiên số 22, nhiệm kỳ 2017-2022.

Ban Tổng Giám đốc kính trình Hội đồng quản trị thông qua Kế hoạch đầu tư các dự án, công trình như sau:

I./ Các dự án, công trình đang thực hiện dở dang từ năm 2022 chuyển tiếp sang năm 2023 (đã được thông qua theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):

Tổng giá trị đầu tư chuyển tiếp từ 2022 sang năm 2023 là: **44.087.806.733** đồng (Bốn mươi bốn tỷ, không trăm tám mươi bảy triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 15.571.181.777 đồng (Mười lăm tỷ, năm trăm bảy mươi một triệu, một trăm tám mươi một ngàn, bảy trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Đầu tư khoan thêm 04 giếng khai thác cho các Nhà máy nước, trị giá: 4.400.000.000 đồng (Bốn tỷ, bốn trăm triệu đồng), cụ thể như sau:

- 01 giếng tầng sâu thay thế giếng 8A tại XNCN Nguyễn Chí Thanh, trị giá 1.500.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng nông tại XNCN Kế Sách, trị giá 700.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng nông tại XNCN Ngã Năm, trị giá 700.000.000 đồng;

- 01 giếng tầng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3, trị giá 1.500.000.000 đồng.

3. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 15.605m, trị giá: 10.080.150.467 đồng (Mười tỷ, không trăm tám mươi triệu, một trăm năm mươi ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng).

4. Đầu tư trang thiết bị kết nối, cung cấp thông tin dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước, trị giá: 14.036.474.489 đồng (Mười bốn tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm tám mươi chín đồng).

II./ Các dự án, công trình đề nghị thực hiện năm 2023:

Tổng giá trị dự kiến đầu tư năm 2023 là: **49.939.614.095** đồng (Bốn mươi chín tỷ, chín trăm ba mươi chín triệu, sáu trăm mười bốn ngàn, không trăm chín mươi lăm đồng), bao gồm:

1. Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy, trị giá: 13.348.642.597 đồng (Mười ba tỷ, ba trăm bốn mươi tám triệu, sáu trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi bảy đồng).

2. Đầu tư khoan thêm 03 giếng khai thác (02 giếng tầng nông và 01 giếng tầng sâu), 03 giếng quan trắc tầng nông và thổi rửa 33 giếng khai thác cho các Nhà máy nước, trị giá: 5.912.953.413 đồng (Năm tỷ, chín trăm mười hai triệu, chín trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm mười ba đồng).

3. Mở rộng, cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước, tổng chiều dài 41.250m, trị giá: 27.241.827.885 đồng (Hai mươi bảy tỷ, hai trăm bốn mươi một triệu, tám trăm hai mươi bảy ngàn, tám trăm tám mươi lăm đồng).

4. Chi phí lập các hồ sơ xin phép khai thác, môi trường và nâng cấp máy vi tính văn phòng, trị giá: 3.436.190.200 đồng (Ba tỷ, bốn trăm ba mươi sáu triệu, một trăm chín mươi ngàn, hai trăm đồng)

Như vậy, tổng giá trị đầu tư dự kiến chuyển tiếp từ 2022 sang năm 2023 và kế hoạch đầu tư năm 2023 là: **94.027.420.828** (Chín mươi bốn tỷ, không trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi ngàn, tám trăm hai mươi tám đồng) – *đính kèm Bảng tổng hợp các dự án/ công trình chuyển tiếp từ 2022 và đề xuất thực hiện năm 2023.*

Vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu và vay vốn các ngân hàng thương mại để triển khai các dự án theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được. Thời gian triển khai từ quý I năm 2023.

Về trình tự thủ tục đầu tư sẽ thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật và đấu thầu theo quy định.

Kính trình Hội đồng quản trị công ty xem xét trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.



Đặng Văn Ngọ

**BẢNG TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN/ CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2022
VÀ KẾ HOẠCH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2023**

(kèm theo Tờ trình số: 79/TTr-CN, ngày 10/3/2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng)

A./ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2022 SANG NĂM 2023 (đang thực hiện theo Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022):

STT	Tên xí nghiệp	Tên hạng mục	Quy mô, công suất	Giá trị đầu tư dự kiến (đồng)	Tiến độ thực hiện
I		Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy:		15.571.181.777	
1	XNCN Phú Lợi	1.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép Trạm phường 2, TP. Sóc Trăng	500m ³	2.250.000.000	Đã gửi báo cáo về việc cho thuê tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Đề nghị số 20/ĐN-KHVT, ngày 23/09/2022)
		1.2/ Sửa chữa, bảo trì hệ thống lọc RO (thay màng lọc và một số vật tư khác theo Báo cáo kiểm tra hệ thống lọc RO - XNCN Phú Lợi của Công CP TKTVXD Hoàn Mỹ Việt Nam)	Thay 92 màng lọc/156 màng của 02 line (line 1: 44 màng; line 2: 48 màng) và một số vật tư khác	2.489.030.000	- Khái toán CP bảo trì line 1: 996.390.000 đồng - Khái toán CP bảo trì line 2: 992.640.000 đồng - Khái toán CP lập Báo cáo KTKT công trình cho line 1 và line 2: 500.000.000 đồng
2	XNCN Mỹ Xuyên	2.1/ Đầu tư hệ thống xử lý mặn tại NMN Mỹ Xuyên 3	2.000 m ³ /ngày đêm	8.000.000.000	
3	XNCN Vĩnh Châu	3.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép tại Trạm Hải Ngư	500m ³	2.250.000.000	Đã gửi báo cáo về việc cho thuê tư vấn khảo sát, lập báo cáo KTKT (Đề nghị số 20/ĐN-KHVT, ngày 23/09/2022)

4	XNCN Thạnh Trị	4.1/ Cải tạo hàng rào Trạm cấp nước Hưng Lợi (cột đà BTCT, tường xây gạch kín)	cao 2,5m x dài 75m	322.151.777	Đã triển khai thủ tục đầu tư
5	XNCN Đại Ngãi	5.1/ Cải tạo sửa chữa Trạm bơm cấp 2 Nhà máy Đại Ngãi	Thay đường ống hút, ống đẩy; bổ sung bơm 15kW; cải tạo đường dây điện 3x25mm dài 35m	260.000.000	Tăng lưu lượng và áp lực vào mùa khô
II Đầu tư khoan thêm giếng cho các Nhà máy nước				4.400.000.000	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Khoan giếng tăng sâu thay thế giếng 8A	80 m ³ /giờ	1.500.000.000	Thực hiện điều chỉnh Giấy phép khai thác nước số 23/GP-BTNMT, ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	XNCN Kế Sách	2.1/ Khoan giếng mới tăng cường nguồn nước cho đơn vị (giếng KS7)	60m ³ /giờ	700.000.000	Đang thuê tư vấn lập hồ sơ xin phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại XN Kế Sách
3	XNCN Ngã Năm	3.1/ Bổ sung thêm 01 giếng khai thác (giếng NN4)	60m ³ /h	700.000.000	
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.1/ Bổ sung 01 giếng tăng sâu tại NMN Mỹ Xuyên 3 (do tầng nông chất lượng nước không tốt, bị nhiễm mặn)	80m ³ /h	1.500.000.000	Đang thuê tư vấn lập hồ sơ xin khoan thăm dò, đánh giá trữ lượng nước tầng sâu
III Mở rộng, cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước:				10.080.150.467	
1	XNCN Phú Lợi	1.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh Quảng Khuôn	ống HDPE D160 dài 2.120m; HDPE D110 dài 1.435m; HDPE D63 dài 290m	2.234.309.436	Đã có hồ sơ thẩm tra
2	XNCN Long Phú	2.1/ Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ Nam Sông Hậu, đoạn nối liền thị trấn Long Phú và xã Long Đức	ống HDPE D160 chiều dài 6.700m	4.347.316.886	Đã có hồ sơ thẩm tra

3	XNCN Trần Đê	3.1/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934C nối liền Trần Đê và Lịch Hội Thượng	ống HDPE D160 chiều dài 5.060m	3.498.524.145	Đã có hồ sơ thẩm tra
IV	Đầu tư thiết bị quan trắc tự động khai thác nước			14.036.474.489	
1		Gói thầu số 1: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm, nước mặt cho các giếng khoan, trạm khai thác tại các Nhà máy nước: Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Khu công nghiệp An Nghiệp trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	24 giếng khoan + 02 điểm khai thác nước mặt	4.699.612.380	Đã ký kết hợp đồng thi công
2		Gói thầu số 2: Lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khai thác nước ngầm cho các giếng khoan do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp phép trực thuộc các Nhà máy/ Xí nghiệp của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng	44 giếng khoan	9.336.862.109	Đơn vị tư vấn đang chấm thầu
CỘNG A (I+II+III+IV)				44.087.806.733	

B./ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN NĂM 2023:

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
I	Đầu tư cải tiến, cải tạo sửa chữa công nghệ nhà máy:			13.348.642.597	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Phường 8 (hệ thống xử lý sắt)	2.000 m ³ /ngày đêm	4.800.000.000	Tăng cường công suất xử lý cho nhà máy
		1.2/ Cải tạo Hồ chứa nước rửa lọc; Sân phơi bùn tại Nhà máy nước Phường 8	Hồ chứa nước rửa lọc 280m ³ , diện tích 7m x 20m; Sân phơi bùn, diện tích 8,5m x 9m	1.700.000.000	
		1.3/ Cải tạo bể phơi bùn tại Nhà máy Nguyễn Chí Thanh	KT: 11m x 23m	250.000.000	Tăng cường công suất chứa cho nhà máy

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
2	XNCN Phú Lợi	2.1/ Cải tạo, sửa chữa sân phơi bùn tại Nhà máy nước Phú Lợi (đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, nâng thể tích chứa bùn và thuận lợi cho việc thu gom bùn thường xuyên tại đơn vị)	KT: 3,8m x 16,2m	211.320.149	Đã gửi đề nghị xin ý kiến cho thực hiện (Đề nghị số 58/ĐN-KH, ngày 22/12/2022)
		2.2/ Sửa chữa, sơn chống thấm Trạm bơm cấp 2 Nhà máy Phú Lợi	01 hạng mục	80.000.000	Tường Trạm bơm cấp 2 hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.3/ Cải tạo, xây dựng hàng rào; Sửa chữa, sơn Nhà điều hành Trạm cấp nước Phường 7	02 hạng mục	450.000.000	Hàng rào lưới B40 rỉ sét, Tường Nhà điều hành hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.4/ Sửa chữa cổng hàng rào; Sửa chữa sơn Nhà điều hành Trạm cấp nước Sung Đình	02 hạng mục	100.000.000	Cổng hàng rào rỉ sét, Tường Nhà điều hành hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		2.5/ Bổ sung 01 bồn lọc thép ĐK 2,5m; cao 3,5m - lọc sơ bộ trước khi đưa vào HT xử lý RO (tiền xử lý)	01 hạng mục	600.500.000	Tiền xử lý (tránh tình trạng cát từ giếng khoan vô màng lọc RO) theo đề xuất của đơn vị tư vấn đánh giá kiểm tra, bảo trì HT xử lý RO
		2.6/ Sửa chữa bơm định lượng Javen	Q=360ml/phút	15.000.000	Bơm định lượng Javen hoạt động khoảng 4h thì phát nóng và dừng động cơ
3	XNCN Ngã Năm	3.1/ Lắp đặt mới 01 bơm ly tâm trực ngang và đường ống công nghệ cho Trạm bơm cấp II	N=15Kw	150.000.000	Tăng cường thêm để hoạt động luân phiên với bơm hiện có
		3.2/ Trang cấp tủ biến tần 15kW (Bao gồm tủ và các vật tư phụ kèm theo)	15kW	120.000.000	Do biến tần hiện 15kW hiện tại đã sử dụng lâu năm, đã sửa chữa nhiều lần, Nay đã hư không có khả năng sửa chữa
		4.1/ Xây dựng bể chứa nước sạch bằng thép tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3	500 m ³	2.250.000.000	Đảm bảo nguồn cung cấp nước phục vụ khách hàng

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.2/ Cải tạo, sửa chữa hàng rào, mái tôn, sơn Nhà máy Mỹ Xuyên 1 (các khối nhà, hàng rào, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	09 hạng mục	320.000.000	Tường hàng rào, các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn. Nền thấp, ngập nước. Mái tôn bị thấm dột
		4.3/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Mỹ Xuyên 2 (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	70.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
5	XNCN Thạnh Trị	5.1/ Trang bị 01 máy nén khí	5HP	15.000.000	Cung cấp Oxi để giảm hàm lượng sắt trong nước
		5.2/ Trang bị bơm định lượng clo giếng PL4	50l/h	17.000.000	Sử dụng cho bồn lọc giếng PL4
		5.3/ Trang bị máy xét nghiệm mẫu nước DR900 (HACH)	01 máy	54.000.000	Trang bị cho Trạm cấp nước Hưng Lợi
6	XN Sửa chữa (NMN Khu Công nghiệp)	6.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy nước KCN An Nghiệp (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	08 hạng mục	480.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn. Nền thấp, ngập nước
		6.2/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Trạm 3 giếng KCN An Nghiệp (Nhà trực vận hành, hàng rào)	02 hạng mục	30.000.000	Tường Nhà trực vận hành, hàng rào cạnh giáp đường N4 QL60 hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		6.3/ Xây dựng Nhà đặt máy ép bùn	01 hạng mục	163.822.448	Tạo điều kiện cho việc lắp đặt máy ép bùn được thuận lợi
		6.4/ Trang bị 02 bơm chìm giếng SP30-6	P= 5,5kW	188.000.000	Dùng dự phòng cho sự cố bơm giếng
		6.5/ Trang bị 01 bơm ly tâm trục ngang	P=18,5kW	330.000.000	Dự phòng cho Trạm bơm nước thô
		6.6/ Di dời trạm bơm nước thô, cải tạo công nghệ, nâng công suất đường dây cấp điện	03 hạng mục (xây dựng, công nghệ, điện)	400.000.000	
7		7.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Trần Đề (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	120.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
7	XNCN Trần Đe	7.2/ Cải tạo, sửa chữa, sơn Nhà máy Lịch Hội Thượng (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ)	03 hạng mục	70.000.000	nay đã cũ, bong tróc sơn
8	XNCN Kế Sách	8.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn XNCN Kế Sách (các khối nhà, cụm xử lý và đường ống công nghệ); Sơn cụm xử lý và đường ống công nghệ Trạm Trung tâm GDNN&GDTX huyện Kế Sách và Trạm Phong Nẫm	07 hạng mục	200.000.000	Tường các khối nhà, công nghệ hiện nay đã cũ, bong tróc sơn
		8.2/ Trang bị máy xét nghiệm mẫu nước DR900 (HACH)	01 máy	54.000.000	Trang bị cho Trạm cấp nước Phong Nẫm
9	XNCN Long Phú	9.1/ Cải tạo, sửa chữa, sơn hàng rào, nhà nghỉ công nhân, sơn trong Văn phòng Xí nghiệp	03 hạng mục	110.000.000	Tường hàng rào và khối nhà đã cũ, bong tróc sơn
II	Đầu tư khoan giếng, thổi rửa giếng khoan cho các nhà máy:			5.912.953.413	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Khoan 02 giếng quan trắc tầng nông QT.6A và QT.9 (302.500.000 đồng/giếng x 02 giếng = 605.000.000 đồng)	chiều sâu 140m	605.000.000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 23/GP-BTNMT, ngày 24/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Đề nghị số 84/ĐN.NCT ngày 23/9/2022 của XNCN Nguyễn Chí Thanh
2	XNCN Phú Lợi	2.1/ Khoan 01 giếng quan trắc tầng nông QT.19	chiều sâu 120m	290.000.000	Thực hiện theo Giấy phép khai thác nước số 28/GP-BTNMT, ngày 27/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Đề nghị số 86/ĐN-XNCN ngày 20/9/2022 của XNCN Phú Lợi
3	XNCN Trần Đe	3.1/ Khoan 01 giếng khai thác tầng nông LHT4 (thay thế giếng LHT1 bị hư, đã trám lấp)	chiều sâu 165m	867.953.413	Đã triển khai thủ tục đầu tư

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
		3.2/ Khoan 01 giếng khai thác tầng nông TĐ5 (thay thế giếng TĐ3)	chiều sâu 150m	1.000.000.000	Do giếng TĐ3 hiện tại bị hư, không sửa chữa được
4	XNCN Mỹ Xuyên	4.1/ Khoan giếng nước ngầm Nhà máy Mỹ Xuyên 1 (giếng G7)	chiều sâu 480m	1.500.000.000	Dự phòng để bổ sung nguồn nước
5	Phòng KH - VT	5.1/ Thổi rửa các giếng khoan khai thác nước ngầm (khái toán chi phí là 50.000.000 đồng/01 giếng)	33 giếng	1.650.000.000	Tổng số giếng đang khai thác là 64 giếng. Trong đó 25 giếng đã thổi rửa từ năm 2020 đến 2023; 01 giếng đã trám lấp, 01 giếng hư; 01 giếng không khai thác và 03 giếng đưa vào khai thác năm 2022. Còn lại 33 giếng chưa thổi rửa từ khi đưa vào khai thác đến nay
III	Đầu tư mở rộng, cải tạo sửa chữa mạng lưới cấp nước:			27.241.827.885	
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	1.1/ Cải tạo tuyến ống cấp nước áp Bưng Tróp A, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 330m	75.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất kinh doanh
		1.2/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường Vành Đai 1, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D160 dài 8.000m	6.500.000.000	Do Ban QLDA 2 đang triển khai giải phóng mặt bằng và đấu thầu dự án đường Vành Đai 1, TP. Sóc Trăng
		1.3/ Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ 60 (từ Nhà máy nước Khu Công nghiệp An Nghiệp đến cầu Kinh Xáng), phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D355 dài 1820m	8.200.000.000	Do điều tiết nước từ Nhà máy nước mặt KCN An Nghiệp về Xí nghiệp cấp nước Phú Lợi
		2.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lưu Khánh Đức, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 1.000m	400.000.000	Di dời TLK, khai thác hộ khách hàng phát sinh và tăng áp khu vực dân cư đường Trần Hưng Đạo
		2.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 358 đường Nguyễn Văn Linh, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 100m	41.000.000	Lắp van xả cuối nguồn để vệ sinh mạng lưới, kết hợp di dời 04 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
2	XNCN Phú Lợi	2.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 233 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 380m	101.000.000	Nối liền mạng với đường Xà Lan tạo mạch vòng tăng cường áp lực, kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
		2.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 47 đường Trần Quang Khải, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 300m	82.000.000	Hiện trạng van xả nằm trên phần đất của hộ dân, vướng mặt bằng xây dựng; Đầu nối với ống D114 Sương Nguyệt Ánh để khép mạng vòng tăng cường áp lực và kết hợp di dời 5 đồng hồ nước
		2.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước cầu Kênh 16 mét đường Dương Kỳ Hiệp, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 300m	78.000.000	Lắp van xả cuối nguồn để vệ sinh mạng lưới, kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
		2.6/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước các hẻm 1070 - 1098 - 1132 đường Võ Văn Kiệt, phường 10, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 450m	108.000.000	Đầu nối với tuyến ống D114 hẻm 1132 để khép mạng vòng tăng cường áp lực, thuận tiện cho công tác quản lý và kết hợp di dời 6 đồng hồ nước
		2.7/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 26 đường Sương Nguyệt Ánh, phường 2, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 200m	61.000.000	Kết hợp di dời 06 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh
		2.8/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 938, phường 7, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D110 dài 390m	182.000.000	Kết hợp di dời 05 đồng hồ nước cho các hộ KH đang gửi và khai thác thêm hộ mới phát sinh; Kết hợp dự án nâng cấp, mở rộng ĐT 938, ấp Xà Lan, xã An Ninh, huyện Châu Thành, đang triển khai thực hiện

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
		2.9/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 882 đường Võ Văn Kiệt, thành phố Sóc Trăng	ống PVC D114 dài 350m	202.827.885	Cung cấp nước sinh hoạt
		2.10/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm 22 Bạch Đằng, khóm 5, phường 4, thành phố Sóc Trăng	ống HDPE D63 dài 575m	94.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
3	XNCN Mỹ Xuyên	3.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước áp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn từ đường đập qua cầu Bà Ky rẽ trái, đường đan mới làm)	ống HDPE D63 dài 900m	178.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 24 hộ cam kết sử dụng nước
		3.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước Tổ 8, ấp Tài Công, xã Tài Văn, huyện Trần Đề (đoạn hẻm từ đường đập áp Tài Công đến Sông Đĩnh giáp phường 4, thành phố Sóc Trăng)	ống HDPE D63 dài 490m, 21 hộ cam kết	97.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 11 hộ cam kết sử dụng nước
4	XNCN Trần Đề	4.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên phải, cuối nguồn đê Bãi Giá đi Bạc Liêu)	ống HDPE D110 dài 500m	332.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 20 hộ (01 hộ đã có ĐH gửi nhờ)
		4.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên trái, từ cầu Bãi Giá đi Trạm kiểm lâm)	ống HDPE D110 dài 800m	387.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 18 hộ (03 hộ đã có ĐH gửi nhờ)
		4.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu - Bạc Liêu (bên phải, từ lộ đan cạnh XN đến cầu Bãi Giá)	ống HDPE D63 dài 250m	68.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, 12 hộ (04 hộ đã có ĐH gửi nhờ)
		5.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Mỹ Hội qua ấp Mỹ Tân, xã Nhơn Mỹ, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 1.000m, 40 hộ cam kết	205.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
5	XNCN Kế Sách	5.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Mỹ Hội về cầu Tập Rèn, xã Thới An Hội, huyện Kế Sách	ống HDPE D63 dài 1.550m, 56 hộ cam kết	330.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
		5.3/ Cải tạo, sửa chữa đường ống truyền tải Nhà máy Kế Sách	ống PVC D168 dài 45m	50.000.000	Giảm áp lực tại nhà máy và tăng cường lưu lượng ra mạng lưới
		5.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước qua cầu Kênh Tắc, từ Huyện lộ 5 qua An Phú Đông, ấp An Phú Đông, thị trấn Kế Sách	ống PVC D168 dài 130m	166.000.000	Hiện nay khu vực An Phú Đông nước yếu do chỉ có 1 đường ống khoan qua sông, nay huyện đã xây cầu. Vì vậy Xí nghiệp ĐN cho đi thêm đường ống mới, phục vụ bà con khu vực An Phú Đông
		5.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ Ngã ba Ung Công Uẩn dài xuống đèn xanh đèn đỏ đường Phan Văn Hùng, thị trấn Kế Sách	ống HDPE D63 dài 200m	80.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt; số hộ khảo sát 20 hộ, di dời 15 hộ
		5.6/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước từ cầu Suối Tiên đi Nguyễn Hoàng Huy dẫn truyền về Trung Tâm Thương Mại, thị trấn Kế Sách	HDPE D110 dài 490m	225.000.000	Hiện nay do nguồn từ nhà máy đi ra đến cầu Suối Tiên, ống HDPE D160 qua sông; Ống từ Trung tâm dạy nghề về đến cầu Suối Tiên, ống PVC D114 chỉ đầu nối vô đường ống PVC D60. Nay XN đề nghị đi thêm đường ống lớn để tăng cường áp từ cầu Suối tiên về TTTM
		6.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 937B	ống HDPE D110 dài 3.570m, 130 hộ (88 hộ đang sử dụng nước)	1.435.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt
		6.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nguyễn Huệ, ấp 1 đến ấp Xa Mau 1	Tổng: 2.120m (ống HPDE D160 dài 1.950m + ống HDPE D110 dài 170m)	1.500.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 25 hộ (15 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 10 hộ

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
6	XNCN Thạnh Trị	6.3/ Mở rộng tuyến ống cấp nước đường ấp 1, ấp Rẫy Mới, xã Giồng Chùa, thị trấn Phú Lộc đến thị trấn Hưng Lợi	ống HDPE D110 dài 4.900m	2.200.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 206 hộ (15 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 120 hộ
		6.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Ngân hàng Chính sách, Quốc lộ 61B, thị trấn Phú Lộc	ống HDPE D63 dài 160m	55.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 09 hộ (3 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 6 hộ
		6.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm Café Cây Xanh, đường 30/4, thị trấn Phú Lộc	ống HDPE D63 dài 100m	41.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 12 hộ (4 hộ có TLK), số hộ cam kết sử dụng nước 8 hộ
7	XNCN Vĩnh Châu	7.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường số 4 nối dài, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 370m	125.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ
		7.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4 nối đường Nguyễn Huệ, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D160 dài 45m	61.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 06 hộ
		7.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường 30/4 nối đường Nam Sông Hậu, phường 1, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D160 dài 1.100m	766.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ
		7.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước hẻm lộ đân, Huyện lộ 48B, phường 2, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 415m	86.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 11 hộ
		7.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Trần Hưng Đạo nối dài, phường 2, thị xã Vĩnh Châu	ống HDPE D63 dài 170m	47.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 10 hộ
		8.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Lê Văn Tám, đoạn từ hộ Trần Xiêu Hên đến hộ Trần Vũ Phần, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D63 dài 480m	99.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 18 hộ

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
8	XNCN Ngã Năm	8.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Huỳnh Thị Tân, đoạn từ Công An phường 1 đến Kênh Cống Đá, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 950m	405.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 27 hộ
		8.3/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 30/4 (bên phải), đoạn từ Cầu Kênh 30/4 đến Trạm Y Tế Ngã Năm, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D60 dài 900m	195.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 20 hộ
		8.4/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Kênh 90 (bên trái), đoạn từ hộ Trần Văn Vũ đến hộ Trần Minh Hiền, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D60 dài 600m	118.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 13 hộ
		8.5/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Quán lộ Phụng Hiệp, đoạn từ Cầu Tư Bí đến Nhà xe Cường, phường 1, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 2.850m	1.200.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 45 hộ
		8.6/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Xẻo Cày, đoạn từ Trường Tiểu học Tân Lập A đến hộ Lâm Thị Lệ, phường 2, thị xã Ngã Năm	ống HDPE D110 dài 500m	110.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ khảo sát 24 hộ
		9	XNCN Đại Ngãi	9.1/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Nam Sông Hậu cũ, ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú	ống HDPE D110 dài 860m
9.2/ Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường huyện 23, ấp An Hưng, xã Long Đức, huyện Long Phú	ống HDPE D110 dài 610m			240.000.000	Cung cấp nước sinh hoạt, số hộ cam kết sử dụng nước 13 hộ
IV	Giấy phép khai thác nước dưới đất, môi trường; nâng cấp máy vi tính văn phòng:			3.436.190.200	

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
1	XNCN Ngã Năm	1.1/ Lập hồ sơ xin phép khai thác nước dưới đất tại Xí nghiệp cấp nước Ngã Năm (giếng NN2, NN3, NN4 - khai thác và NN1 - dự phòng)	2.990m ³ /ngày đêm	40.000.000	
2	XNCN Mỹ Xuyên	2.1/ Lập hồ sơ xin phép khai thác nước dưới đất tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3 (giếng G5 - tầng nông và G6 - tầng sâu)		40.000.000	
		2.2/ Lập hồ sơ xin phép điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất tại Nhà máy nước Mỹ Xuyên 1 (bổ sung giếng G7)	2.990m ³ /ngày đêm	40.000.000	
3	Phòng KH - VT	3.1/ Thuê tư vấn lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường (giấy phép xả thải) cho 03 nhà máy nước trực thuộc công ty (các nhà máy: Phú Lợi, Khu CN An Nghiệp và Mỹ Tú)	03 nhà máy	150.000.000	
		3.2/ Thuê tư vấn lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước thải tại 13 đơn vị cấp nước có m ³ xử lý >20m ³ /ngày đêm; lấy mẫu, kiểm nghiệm mẫu không khí và viết báo cáo kết quả quan trắc môi trường tại NMN Khu công nghiệp	14 Xí nghiệp/ Nhà máy/ Trạm cấp nước	102.124.000	Đang triển khai ký kết hợp đồng tư vấn
		3.3/ Thuê tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất tại XNCN Nguyễn Chí Thanh (01 giếng tầng sâu thay giếng nông 8A)	11.400 m ³ /ngày đêm	500.000.000	

STT	Tên xí nghiệp	Nội dung đề nghị	Quy mô, công suất	Giá trị khái toán (đồng)	Lý do đề xuất
		3.4/ Xây dựng bổ sung hệ thống xử lý nước thải cho các Xí nghiệp/NM/Trạm cấp nước chưa có HTXL nước thải để bổ sung HS xin cấp Giấy phép môi trường theo quy định gồm: XN Ngã Năm, Trạm Phường 7, Trạm Sung Đình, Trạm TT nghề nghiệp và GDTX huyện Kế Sách, NM Mỹ Xuyên 3, Trạm Phong Năm, Trạm Hưng Lợi, XN Đại Ngãi, Trạm Long Đức, XN Trần Đề và Trạm Lịch Hội Thượng	11 hạng mục	1.000.000.000	Theo Công văn số 12/TT-TTQTTNMT ngày 09/03/2023 của Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Sóc Trăng (đơn vị tư vấn Lập HS xin cấp Giấy phép môi trường cho các Xí nghiệp/NM/Trạm cấp nước trực thuộc Công ty)
4	XN Sửa chữa	4.1/ Thuê tư vấn khảo sát, đánh giá và đầu tư xây dựng phòng xét nghiệm mẫu nước đạt chuẩn TCVN ISO/IEC 17025		300.000.000	
		4.2/ Thuê tư vấn thực hiện lấy mẫu và kiểm nghiệm mẫu nước sinh hoạt năm 2023 theo QCVN 01-1:2018/BYT cho công ty		1.153.066.200	
5	Phòng TCHC	5.1/ Nâng cấp thùng CPU cho các Xí nghiệp cấp nước huyện, thị xã (do đã cấp từ năm 2013, hiện chạy rất chậm, mất thời gian...)	Main H510/B1560, Cpu I3, ram 8Gb, SSD 256..	63.000.000	9 xí nghiệp x 7 triệu/thùng (linh kiện các thùng CPU cũ thì tận dụng dùng để sửa chữa máy khác khi cần)
		5.2/ Nâng cấp thùng CPU cho các Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh, Phú Lợi, Phòng Kỹ thuật (do phát sinh nhu cầu cần tốc độ xử lý nhanh hơn, các thùng CPU đã cấp từ năm 2015, hiện không đáp ứng yêu cầu công việc...)	Main H510/B1560, Cpu I3/I5, VGA 4Gb, Ram 8Gb, SSD 256..	48.000.000	XNNCT 2 thùng, XNPL 2 thùng, Kỹ thuật 2 thùng x 8 triệu/thùng
CỘNG B (I+...+IV)				49.939.614.095	
TỔNG CỘNG (A + B)				94.027.420.828	



h

Số: 02/TTr-BKS

Sóc Trăng, ngày 2 tháng 4 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán năm 2019;

Căn cứ danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2023 đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước thông báo;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng phù hợp với các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2023 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) công ty trong năm tài chính 2023 như sau:

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của công ty trong năm tài chính 2023 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, có chức năng kiểm toán BCTC của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn, và công ty niêm yết trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của công ty.

Ban kiểm soát kính trình HĐQT ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán BCTC trong năm tài chính 2023 của công ty.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, HĐQT.



Số: 480/TTTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Tờ trình phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết 01/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/06/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022

Năm 2022, Công ty vẫn phải đang bù lỗ cho các năm trước, trả nợ ngân hàng và trả nhà cung cấp các khoản nợ cũ. Năm 2023, tình hình sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn do nguồn nước bị nhiễm mặn rất lớn, dẫn đến chi phí sản xuất tăng cao, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc đảm bảo sản xuất, sản lượng và chất lượng nước, nguy cơ thiếu hụt nguồn nước cung cấp cho khách hàng trong năm 2023 và đặc biệt là trong những năm tiếp theo là rất lớn. Do vậy, Hội đồng quản trị đề xuất Công ty sẽ không chia cổ tức năm 2022 để tập trung nguồn lực tài chính vào đầu tư mới cũng như đầu tư nâng cấp, sửa chữa các công trình, dự án, lĩnh vực đầu tư trong và ngoài ngành để nâng cao kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích tối ưu cho các cổ đông.

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	30.474.517.109
1	Năm 2021	Đồng	-
2	Năm 2022	Đồng	30.474.517.109
II	Lợi nhuận sau thuế được phân phối	Đồng	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% lợi nhuận	Đồng	9.142.355.133
2	Trích quỹ khen thưởng: 5% lợi nhuận	Đồng	1.523.725.855
3	Trích quỹ phúc lợi: 5% lợi nhuận	Đồng	1.523.725.855
4	Lợi nhuận chưa phân phối: 60%	Đồng	18.284.710.266

II. Kế hoạch phối lợi nhuận năm 2023:

Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị quyết định nguyên tắc, kế hoạch, tỷ lệ, giá trị phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ tùy vào tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023, phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT**



Đặng Văn Ngọ

Số: 181/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 7 tháng 6 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh Điện mặt trời

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 28/12/2017;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 07/6/2023 về việc tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh điện mặt trời, cụ thể như sau:

Tên ngành: Sản xuất điện, chi tiết: Điện mặt trời.

Mã ngành: 3511.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
SÓC TRĂNG

Đặng Văn Ngo